TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 02 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Sanh và bà Đỗ Thị Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn C, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Bá Th - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn C, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà chị H xin vắng mặt, anh Th vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới vào tháng 8/2007 và được UBND xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2007. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường được một năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th chơi bời cờ bạc, rượu chè nên đã xảy ra cải nhau. Cuộc sống vợ chồng anh Th không quan tâm tới gia đình vợ con nên thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống

chung một nhà nhưng ly thân bốn năm không quan tâm đến nhau. Do không chịu đựng được nên vào tháng 10/2020 chị làm đơn xin ly hôn, nhưng suy nghĩ lại vì các con nên chị đã rút đơn khởi kiện. Từ khi đó đến nay vợ chồng không cải thiện được, anh Th bỏ đi liên tục không quan tâm đến gia đình vợ con. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên chị xin được ly hôn anh Phạm Bá Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Cẩm V, sinh ngày 10/6/2008 và Phạm Bá M, sinh ngày 12/12/2013. Nếu được ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì chị muốn cả hai cháu ở cùng nhau và hai cháu được chị chăm sóc từ nhỏ và đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho một cháu, hai cháu một tháng là 3.000.000đ đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với anh Phạm Bá Th: Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã nhiều lần triệu tập H lệ anh Phạm Bá Th đến làm việc, nhưng anh không đến làm việc. Nên không có ý kiến quan điểm của anh Th về việc giải quyết vụ án.

* Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị H và anh Th là vợ chồng, chị H buôn bán tại địa phương, anh Th đi làm công nhân ở đâu không biết, anh cứ đi vài ngày lại về. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Cẩm V và Phạm Bá M hiện nay 02 cháu đang ở với mẹ, vợ chồng có tài sản gì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Th; về con chung giao 02 cháu Phạm Thị Cẩm V và Phạm Bá M cho chị H nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng/1 cháu. Về tài sản chị không yêu cầu giải quyết. Chị H phải chịu tiền án phí DSST, anh Th chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị H yêu cầu giải quyết: Ly hôn và nuôi con. Cả chị H và anh Th đều có địa chỉ tại xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn

thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Bá Th không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt H lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 19/01/2022. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Th và chị H.

[**2**] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phạm Bá Th kết hôn với nhau năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân H pháp. Theo chị H vợ chồng sau khi kết hôn được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th chơi bời, không quan tâm đến gia đình và vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng đã ly thân không quan tân đến nhau được bốn năm và chị cũng đã khởi kiên xin ly hôn vào năm 2020 nhưng vì các con chị đã rút đơn nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được.

Đối với anh Th, anh đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng anh không đến Toà làm việc. Đây thể hiện anh không còn tình cảm với chị H và bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc với địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì hiện nay chị Th buôn bán ở nhà còn anh Th đi làm vài ngày mới về.

Xét thấy, chị H thực sự không còn tình cảm với anh Th, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Th cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị H vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H đã thực sự không còn tình cảm với anh Th, anh Th không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị H được ly hôn anh Th là phù H.

[2.2] Về con chung: Theo chị H vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Cẩm V, sinh ngày 10/6/2008 và Phạm Bá M, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn chị H đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị H đã xuất trình giấy khai

sinh của cháu V và cháu M đều có ghi tên mẹ là Lê Thị H và bố là Phạm Bá Th. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu V và cháu M là con chung của chị H và anh Th.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H, chị chăm sóc tốt, anh Th không quan tâm chăm sóc con. Ngoài ra theo nguyện vọng của cả hai cháu là xin được ở với mẹ. Ngoài ra, do anh Th cũng không có đến làm việc và cũng không có ý kiến của anh về nuôi dưỡng con. Vì vậy, để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu V và cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.500.000đồng cho một cháu, cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng. Theo địa phương hiện nay anh Th làm công nhân có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của chị. Nhưng do không có ý kiến trực tiếp của anh Th về mức thu nhập của mình, xét thấy mức cấp dưỡng chị H đưa ra là không cao so với mức với thu nhập cũng như mức sống hiện nay tại địa phương, nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đồng cho một cháu là phù H. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.500.000đồng/01 cháu, cả hai cháu mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 đến khi cháu V và cháu M đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**3**] Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ}.

Anh Phạm Bá Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Phạm Bá Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

- Phạm Thị Cẩm V - Sinh ngày 10 tháng 6 năm 2008;

- Phạm Bá M - Sinh ngày 12 tháng 12 năm 2013.

2.2. Giao con chung là Phạm Thị Cẩm V và Phạm Bá M cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Phạm Bá Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu một tháng là 1.500.000đồng, cả hai cháu mỗi tháng là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu Phạm Thị Cẩm V và cháu Phạm Bá M đủ 18 tuổi.

2.4. Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Lê Thị H phải chịu 300.000[đ] tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000[đ] theo biên lai thu tiền số 0006260 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ.

- Anh Phạm Bá Th phải chịu 300.000[đ] tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường H bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Triệu Thành (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn